

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/DSST

Ngày: 23/9/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Huệ và ông Nguyễn Hữu Lỗi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 97/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H– Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

3. *Người có quyền L và Ngh vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị Ngh; địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021, lời khai của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H có trong hồ sơ và tại phiên tòa trình bày:

Gia đình ông H và bà Ngh kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật dưới hình thức kinh doanh hộ, nhiều lần ông H, bà Ngh bán hàng và cho ông T, bà L nợ tiền. Ngày 03/2/2019, ông T đến chốt lại số tiền nợ 48.750.000 đồng và mua thiếu thuốc bảo vệ thực vật nợ thêm 1.000.000 đồng, ký giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 30/02/2019 thanh toán. Đến ngày 30/6/2019 ông T tiếp tục mua

phân bón và nợ lại số tiền 3.500.000 đồng, ông T cũng ký giấy nhận nợ và hẹn tới ngày 30/12/2019 trả. Đến hạn ông H, bà Ngh đòi nợ nhiều lần, ông T và bà L hứa hẹn vụ mùa năm 2020 sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà L phải trả số tiền gốc của ba khoản nợ là 53.250.000 đồng. Về lãi, theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày ký giấy nhận nợ đến nay. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu về lãi, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày quá hạn đến ngày xét xử với mức lãi suất 0.83%/tháng. Cụ thể: Khoản nợ 49.750.000 đồng, ngày đến hạn là 30/02/2019 nên ngày bắt đầu tính lãi là 01/3/2019 đến ngày xét xử là 30 tháng (Làm tròn), thành tiền 12.387.000 đồng. Khoản nợ 3.500.000 đồng, ngày bắt đầu tính lãi là 01/01/2020 đến nay là 20 tháng (Làm tròn), thành tiền 581.000 đồng, tổng cộng tiền lãi ông H yêu cầu ông T, bà L phải trả là 12.968.000 đồng.

Người có quyền L, Ngh vụ liên quan bà Hoàng Thị Ngh: Đồng ý với quan điểm của ông H và yêu cầu ông T, bà L trả nợ cho cả hai vợ chồng.

Theo lời khai của bị đơn, bà Bùi Thị L có trong hồ sơ vụ án trình bày: Bà L thừa nhận từ trước có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông H và còn nợ tiền từ năm 2019, nhưng việc ký giấy nhận nợ như thế nào là do ông H chứ bà L không biết. Bà L thừa nhận đó là khoản nợ chung và đồng ý trả trước 10.000.000 đồng vào tháng 12/2021, số nợ gốc còn lại xin trả dần, về lãi bà L xin được miễn hiện nay ông bà đang khó khăn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ Ngh vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Ngh số tiền 66.218.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng*), trong đó nợ gốc 53.250.000 đồng; nợ lãi 12.968.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L về việc nợ tiền đã vay nhưng nguồn gốc khoản nợ là từ việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn trú tại thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó HĐXX xét xử vắng mặt ông T và bà L là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, lời trình bày của các đương sự, chứng cứ ông H cung cấp là giấy xác nhận nợ thể hiện: Ngày 03 tháng 02 năm 2019 ông T còn nợ ông H số tiền 48.750.000 đồng (Nợ cũ) và 1.000.000 đồng mua thuốc bảo vệ thực vật, hạn ngày trả 30/02/2019. Ông H viết giấy và ông T ký nhận nợ. Ngày 30/6/2019 ông T tiếp tục mua phân bón còn nợ số tiền 3.500.000 đồng, thời hạn trả nợ là 30/12/2019. Bà Ngh là vợ ông H viết giấy và ông T ký nhận nợ. Khi chốt các khoản nợ hai bên không thỏa thuận lãi suất, phần ghi lãi suất 1.5%/tháng đối với khoản nợ 3.500.000 đồng là do bà Ngh tự ghi thêm vào. Như vậy, việc mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật giữa ông H, bà Ngh với ông T và bà L là có thật, là hợp đồng có thỏa thuận thời hạn trả nợ và không lãi suất, đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả, là vi phạm Ngh vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351, Điều 430 của BLDS.

Khoản 1 Điều 351 của BLDS: “*Bên có Ngh vụ mà vi phạm Ngh vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm Ngh vụ là việc bên có Ngh vụ không thực hiện Ngh vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ Ngh vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của Ngh vụ*”.

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”.

Do đó yêu cầu của ông H buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc 53.250.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/9/2021), HĐXX xác định đây là hợp đồng mua bán tài sản có thỏa thuận thời hạn trả tiền và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Đến ngày trả nợ, ông T không thực hiện Ngh vụ thanh toán nên ông H có quyền yêu cầu ông T phải trả tiền lãi đối với số tiền đã nhận nợ kể từ ngày tiếp theo ngày vi phạm là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Trường hợp bên có Ngh vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả Tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất mua bán do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền mua bán, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 nêu trên tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi của số nợ 49.750.000 đồng từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử (23/9/2021), làm tròn 30 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng là $49.750.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 12.387.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi của số nợ 3.500.000 đồng từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử (23/9/2021), làm tròn 20 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng là $3.500.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 581.000 \text{ đồng}$, tổng cộng tiền lãi của hai khoản nợ là $12.387.000 \text{ đồng} + 581.000 \text{ đồng} = 12.968.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ chấp nhận.

Tổng cộng số tiền cần buộc ông T phải trả cho ông H là $53.250.000 \text{ đồng} + 12.968.000 \text{ đồng} = 66.218.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu được trả dần tiền nợ gốc và xin số nợ lãi của bà L nguyên đơn không chấp nhận nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Bà L thừa nhận mặc dù bà không ký giấy nhận nợ nhưng đó là nợ chung nên cần buộc bà L liên đới trả nợ là phù hợp.

Đối với bà Hoàng Thị Ngh là vợ ông H, ông H và bà Ngh đều khai nhận khoản vốn để kinh doanh là chung của vợ chồng nên cần buộc ông T bà L trả nợ cho ông H và bà Ngh.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là $66.218.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.310.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu ba trăm mười nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T và bà L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Dương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 466, Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Ngh số tiền 66.218.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng*), trong đó nợ gốc 53.250.000 đồng; nợ lãi 12.968.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L phải chịu 3.310.000 đồng (*Ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số tiền 1.798.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0005217 ngày 09 tháng 3 năm 2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh

HOOIJ